|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: */*2019/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP**

**ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

**“Điều 24. Mức vay**

1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay 01 dự án tối đa là 02 tỷ đồng và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

**“Điều 25. Thời hạn vay vốn**

Thời hạn vay vốn không quá 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Việc làm, lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

**“Điều 27. Điều kiện bảo đảm tiền vay**

Đối với mức vay trên 100 triệu đồng từ Quỹ, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy địnhpháp luật.”

5. Bổ sung Khoản 4 Điều 30 như sau:

“4. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn vay tại địa phương, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương có trách nhiệm chuyển nguồn vốn vay theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

6. Bổ sung Khoản 5 Điều 30 như sau:

“5. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn vay giữa các cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo cơ quan trung ương của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, quyết định; trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn vay giữa các cơ quan cấp huyện trực thuộc cùng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương báo cáo cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, quyết định. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm chuyển nguồn vốn vay theo quyết định của tổ chức thực hiện chương trình.”

7. Bổ sung Khoản 4 Điều 31 như sau:

“4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định phân bổ nguồn vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này cho các địa phương và các tổ chức thực hiện chương trình.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

**“Điều 37. Điều kiện bảo đảm tiền vay**

Đối với mức vay trên 100 triệu đồng, người lao động vay vốn ưu đãi để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật.”

9. Bổ sung Khoản 3 Điều 43 như sau:

“3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định phân bổ nguồn vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này cho các địa phương.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo dự án đã được phê duyệt.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chínhphủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |